

Số: 06/TTr-2023

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2023

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

V/v: Sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN PHÁT ĐẠT

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 02/06/2023.

Trên cơ sở rà soát Điều lệ; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị hiện hành, Hội đồng quản trị Công ty nhận thấy cần thiết phải cập nhật, sửa đổi, bổ sung các quy định mới của các quy định pháp luật nêu trên vào Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị để phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

Toàn bộ Dự thảo sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị được đăng tải trên website Công ty - www.phatdat.com.vn.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.

Đính kèm:

Phiếu Biểu quyết.



NGUYỄN VĂN ĐẠT



**NỘI DUNG SỬA ĐỔI QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN PHÁT ĐẠT**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị Định 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 02/06/2023.

STT	NỘI DUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH
1	Bổ sung Khoản 5.5 Điều 5 về Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	5.5. Quyền và nghĩa vụ của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị: - Giám sát, đánh giá hoạt động quản trị - điều hành của các Thành viên Hội đồng quản trị tham gia điều hành và Ban Tổng Giám đốc; - Phê duyệt, giám sát và đưa ra ý kiến đánh giá, thẩm định về tính minh bạch trong các giao dịch với người có liên quan; - Điều phối, theo dõi, đánh giá hiệu quả hệ thống kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro; - Thực hiện công tác quan hệ cổ đông để đảm bảo sự minh bạch trong hoạt động của Công ty, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông.
2	Bổ sung Khoản 7.3 Điều 7 về Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	7.3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan
3	Bổ sung Khoản 8.5 Điều 8 về Chủ tịch Hội đồng quản trị	8.5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

		a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp; b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty; d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính; đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.
4	Khoản 9.2 Điều 9 về Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm thì trong vòng ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, các thành viên Hội đồng quản trị còn lại phải tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị mới.	Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm thì trong vòng mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, các thành viên Hội đồng quản trị còn lại phải tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị mới.
5	Bổ sung Khoản 9.5. Điều 9 về Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	9.5. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 9.5.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau: a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử. 9.5.2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều

		115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật. 9.5.3. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty. 9.5.4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.
6	Bổ sung Khoản 10.4 Điều 10 Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	10.4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
7	Sửa đổi khoản 11.1 Điều 11 Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch trong các trường hợp đặc biệt 11.1. Hội đồng quản trị thông qua các hợp đồng, giao dịch được quy định tại điểm i, khoản 2, Điều 28 Điều lệ Công ty với một trong các đối tượng sau: - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này;	11.1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau: - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và người có liên quan của các đối tượng này; - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

	- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; - Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp của Công ty phải kê khai theo quy định tại Khoản 2, Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.	- Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp của Công ty phải kê khai theo quy định tại Khoản 2, Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.
8	Bổ sung Điều khoản mới Văn phòng Hội đồng quản trị	Văn phòng Hội đồng quản trị 1. Căn cứ theo quy định tại Điều 33 Điều lệ Công ty, Văn phòng Hội đồng quản trị là bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị, người đứng đầu là Chánh văn phòng Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. 2. Cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, nghĩa vụ và quyền hạn của Văn phòng Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định. Hội đồng quản trị được quyền giao quyền/ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị.
9	Khoản 15.2 Điều 15 về Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Hội đồng quản trị và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ giao dịch chính thức mà thành viên Hội đồng quản trị đã đăng ký cho Người quản trị Công ty. Phiếu lấy ý kiến được gửi cho thành viên Hội đồng quản trị theo phương thức gửi tài liệu quy định tại Điều 14 Quy chế này [...]	Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Hội đồng quản trị và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ giao dịch chính thức mà thành viên Hội đồng quản trị đã đăng ký cho Người phụ trách quản trị Công ty. Phiếu lấy ý kiến được gửi cho thành viên Hội đồng quản trị theo phương thức gửi tài liệu quy định tại Điều 14 Quy chế này. [...]
10	Điều 18. Ngăn ngừa các xung đột lợi ích 18.1 Thành viên Hội đồng quản trị phải công khai các lợi ích liên quan theo các quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quy định pháp luật hiện hành.	18.1 Thành viên Hội đồng quản trị phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 43 Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quy định pháp luật hiện hành. 18.2 Việc xem xét và thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với thành viên Hội đồng quản trị hoặc người có liên quan được thực hiện theo các quy định tại Điều 11 Quy chế này.

	18.2 Việc xem xét và thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với thành viên Hội đồng quản trị hoặc người có liên quan được thực hiện theo các quy định tại Điều 11 Quy chế này. 18.3 Hội đồng quản trị xem xét và tiến hành họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản các vấn đề nêu tại khoản 1 và 2 Điều này tại trong vòng ba (3) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh sự kiện. Thành viên Hội đồng quản trị có liên quan không được tham gia biểu quyết.	18.3 Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, Công ty phải tuân thủ theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện và tiến hành công bố thông tin theo quy định của pháp luật. 18.4 Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty. 18.5 Hội đồng quản trị xem xét và tiến hành họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản các vấn đề nêu tại khoản 1 và 2 Điều này tại trong vòng ba (3) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh sự kiện. Thành viên Hội đồng quản trị có liên quan không được tham gia biểu quyết.
11	Bổ sung Điều khoản mới Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty	1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty. 2. Công ty phải quan tâm tới các vấn đề về phúc lợi, bảo vệ môi trường, lợi ích chung của cộng đồng và trách nhiệm xã hội của Công ty.
12	Điều 26. Hiệu lực thi hành Quy chế này gồm bảy (07) Chương, hai mươi sáu (26) Điều và có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/ĐHĐCĐ-NQ.2021 ngày 27 tháng 03 năm 2021.	Quy chế này gồm bảy (07) Chương, hai mươi tám (28) Điều và có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/ĐHĐCĐ-NQ.2021 ngày 27 tháng 03 năm 2021 và được sửa đổi bổ sung lần 01 ngày 30 tháng 06 năm 2023.
STT	NỘI DUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH
1	Điều 2. Đại hội đồng cổ đông	2.2 Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
2	Điểm d Khoản 2.2 Điều 2 về Đại hội đồng cổ đông Thông báo mời Đại Hội đồng cổ đông	2.2 d. Thông báo mời họp Đại Hội đồng cổ đông

3	Điểm k Khoản 2.2 Điều 2 về Đại hội đồng cổ đông Cách thức biểu quyết	Cách thức biểu quyết, kiểm phiếu biểu quyết: Cách thức kiểm phiếu biểu quyết: + Trước khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu tiến hành mở niêm phong hòm phiếu tại khu vực kiểm phiếu; + Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra tổng số phiếu thu vào so với tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu. Nếu tổng số phiếu thu vào bằng hoặc ít hơn số cổ đông đã tham gia bỏ phiếu thì Ban kiểm phiếu mới được tiến hành kiểm phiếu. Trường hợp tổng số phiếu thu vào nhiều hơn tổng số cổ đông đã tham gia bỏ phiếu thì Ban kiểm phiếu phải kiểm tra lại; nếu kiểm tra lại vẫn cho kết quả tổng số phiếu thu vào nhiều hơn tổng số cổ đông đã tham gia bỏ phiếu thì lập tức niêm phong hòm phiếu và báo cáo ngay Chủ tọa cuộc họp để giải quyết; + Ban kiểm phiếu tiến hành phân loại phiếu, ghi rõ tổng số lượng phiếu, số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ, số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành và số phiếu không có ý kiến trong Biên bản kiểm phiếu; + Ban kiểm phiếu phải ký tên đầy đủ trong Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm về kết quả quá trình kiểm phiếu.
4	Điểm e Khoản 2.4 Điều 2 về Đại hội đồng cổ đông Trường hợp Cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến nhưng không thực hiện <u>biểu</u> quyết thì được hiểu là Cổ đông đó bỏ phiếu “Không có ý kiến”	Trường hợp Cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến nhưng không thực hiện <u>biểu</u> quyết thì được hiểu là Cổ đông đó bỏ phiếu “Không có ý kiến”
5	Điểm a Khoản 3.1 Điều 3 về Hội đồng quản trị Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 153 của Luật Doanh nghiệp, <u>khoản 2, Điều 277</u> của Nghị định 155 và khoản 2, Điều 28 của Điều lệ Công ty	Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 153 của Luật Doanh nghiệp, <u>khoản 2, Điều 278</u> của Nghị định 155 và khoản 2, Điều 28 của Điều lệ Công ty
6	Bổ sung Điểm c Khoản 3.1 Điều 3 về Hội đồng quản trị	c) Trách nhiệm và nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng quản trị: - Thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty; - Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, thận trọng vì quyền lợi của cổ đông và Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được thực hiện bất kỳ hành động nào

		làm ảnh hưởng tới Hội đồng quản trị, Công ty và hoạt động kinh doanh của Công ty. Trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường cho Công ty toàn bộ thiệt hại phát sinh (nếu có); - Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận; - Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phần phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật. - Các thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ bảo mật các thông tin được cung cấp, thông tin có được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế này, các quy định nội của Công ty và pháp luật. Trường hợp vi phạm, Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm bồi thường cho Công ty toàn bộ thiệt hại thực tế phát sinh.
7	Bổ sung Điểm h Khoản 3.3 Điều 3 về Hội đồng quản trị	h) Ủy quyền tham dự họp Hội đồng quản trị của Thành viên Hội đồng quản trị - Thực hiện theo quy định tại Khoản 8 và Khoản 10 Điều 31 Điều lệ Công ty
8	Điểm i Khoản 3.3 Điều 3 về Hội đồng quản trị i) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị - Thực hiện theo Khoản 11 Điều 31 Điều lệ Công ty	i) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị - Thực hiện theo Khoản 11 Điều 31 Điều lệ Công ty; - Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký Biên bản họp thì thực hiện theo Khoản 12 Điều 31 Điều lệ Công ty.
9	Điểm a Khoản 3.5 Điều 3 về Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 , Điều 161 của Luật Doanh nghiệp, Điều 36 của Điều lệ Công ty	Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 3 Điều 161 của Luật Doanh nghiệp, Điều 37 của Điều lệ Công ty

10	Khoản 3.6 Điều 3 về Hội đồng quản trị Hội đồng quản trị cần bổ nhiệm một (1) thành viên độc lập Hội đồng quản trị làm Trưởng tiểu ban về nhân sự, lương, thưởng	Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (1) thành viên độc lập Hội đồng quản trị làm Trưởng tiểu ban về nhân sự, lương, thưởng
11	Điểm b Khoản 4.2 Điều 4 về Tổng Giám đốc Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (1) thành viên Hội đồng quản trị làm Tổng Giám đốc hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo khoản 5, Điều 163 của Luật Doanh nghiệp.	Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (1) thành viên Hội đồng quản trị làm Tổng Giám đốc hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo khoản 5, Điều 162 của Luật Doanh nghiệp.
12	Điều 6 về Đánh giá hàng năm đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp [...] - Thời gian tổ chức cuộc họp đánh giá hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị phải trong tháng mười hai (12) của năm tài chính nhưng chỉ sau khi Công ty đã ước tính kết quả kinh doanh của Công ty trong năm tài chính. - Kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị thông báo cho tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp trong vòng ba (3) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp đánh giá. [...]	[...] - Thời gian đánh giá hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị được thể hiện trong Báo cáo tình hình quản trị Công ty nhưng chỉ sau khi Công ty đã ước tính kết quả kinh doanh của Công ty trong năm tài chính hoặc không chậm hơn (chín mươi) 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. - Kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị thông báo cho tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp trong vòng ba (3) ngày làm việc kể từ ngày Báo cáo tình hình quản trị Công ty được thông qua. [...]
13	Bổ sung Điều khoản về Áp dụng quy chế cho các công ty con	Các công ty con trong hệ thống công ty mẹ - công ty con của Công ty căn cứ quy định của Điều lệ của Công ty, công ty con và quy định Quy chế này để ban hành quy định về quản trị nội bộ cho phù hợp thực tế hoạt động của mình.

14	Bổ sung Điều khoản về Công khai các lợi ích liên quan	Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo Điều 164 Luật Doanh nghiệp 2020.
15	Điều 7 sửa đổi thành Điều 9 Hiệu lực thi hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt bao gồm bảy (7) Điều và có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết số 01/ĐHĐCĐ-NQ.2021 ngày 27 tháng 03 năm 2021.	Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt bao gồm chín (9) Điều và có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết số 01/ĐHĐCĐ-NQ.2021 ngày 27 tháng 03 năm 2021 và được sửa đổi bổ sung lần 01 ngày 30 tháng 06 năm 2023.



NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN PHÁT ĐẠT

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 02/06/2023.

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH
1	Khoản 1 Điều 1 về Giải thích từ ngữ m. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tùy từng thời điểm.	m. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc. p. “Người nội bộ” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm tùy từng thời điểm; thành viên Ban kiểm toán nội bộ; người phụ trách quản trị Công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.
2	Bổ sung điều khoản về Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. 2. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 24 Điều lệ này, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: a) Định hướng phát triển công ty; b) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; c) Tổ chức lại, giải thể công ty. d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
3	Khoản 1 và 2 Điều 23 về Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và

	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6, Điều 148 của Luật Doanh nghiệp: a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản trị, kiểm soát Công ty; d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; hoặc đ. Tổ chức lại, giải thể Công ty; 2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 của Điều này và khoản 3, 4 và 6, Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.	biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Điều 24 Điều lệ này và các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp: a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản trị, kiểm soát Công ty; d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; hoặc đ. Tổ chức lại, giải thể Công ty; 2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Điều 24 Điều lệ này và các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.
4	Khoản 1 Điều 24 về thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề sau: a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty; và b. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.	1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề sau: a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty; b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; và d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% đến dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
5	Khoản 4 Điều 25 về Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày	4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp bằng hình thức gửi thư hoặc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

	kết thúc cuộc họp; hoặc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.	
6	Khoản 1 và 3 Điều 27 về Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT 1. Số lượng thành viên HĐQT là chín (9) thành viên 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty có tối thiểu ba (03) thành viên.	1. HĐQT có từ 5 đến 9 thành viên. Số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại từng thời kỳ. 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo quy định pháp luật về chứng khoán và các quy định pháp luật liên quan khác (nếu có).
7	Khoản 2 Điều 28 về Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị i. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 138, khoản 1 và khoản 3, Điều 167 của Luật Doanh nghiệp. Thông qua các hợp đồng, giao dịch được quy định tại khoản 1,2 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những Người điều hành doanh nghiệp khác đó; cử người đại diện theo ủy	i. Thông qua việc đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; j. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 138; khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp. Thông qua các hợp đồng, giao dịch được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp. k. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp, và Người quản lý quan trọng khác của Công ty (ngoại trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông). Cử người đại diện theo ủy quyền ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

	quyền ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	
8	Khoản 3, 13 và 15 Điều 31 về Cuộc họp và Biên bản họp của Hội đồng quản trị 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a. Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị; b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (5) người quản lý khác; c. Có đề nghị của ít nhất hai (2) thành viên Hội đồng quản trị; hoặc 13. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. 15. Trừ trường hợp Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng việc lấy ý kiến bằng văn bản, Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a. Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị; b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (5) người quản lý khác; c. Có đề nghị của ít nhất hai (2) thành viên Hội đồng quản trị; hoặc d. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. 13. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan. 15. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
9	Sửa đổi Điều 33 về các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	Điều 33. Văn phòng Hội đồng quản trị và các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị có thể thành lập ban/tiểu ban trực thuộc để phụ trách về quản trị công ty, chiến lược, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của ban/tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định. Trong đó số lượng thành viên của tiểu ban đảm bảo có tối thiểu là ba (3) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành

		viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. 2. Nhằm đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng quản trị chặt chẽ và hiệu quả, Hội đồng quản trị thành lập Văn phòng Hội đồng quản trị để được hỗ trợ, tham mưu và tổ chức triển khai các công việc và/hoặc các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề sau: a. Quản trị Công ty; b. Quản lý nguồn nhân lực; c. Tài chính kế toán; d. Quản lý rủi ro; e. Chỉ tiêu phát triển bền vững: môi trường, xã hội và quản trị Công ty; f. Các vấn đề khác theo quyết định của Hội đồng quản trị. 3. Cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, nghĩa vụ và quyền hạn của Văn phòng Hội đồng quản trị, ban/tiểu ban do Hội đồng quản trị quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Hội đồng quản trị, ban/tiểu ban, các quy chế quản lý nội bộ và/hoặc Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Hoạt động của Văn phòng Hội đồng quản trị, ban/tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của ban/tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của ban/tiểu ban.
10	Bổ sung điểm i Khoản 4 Điều 41 về quyền hạn của Tổng Giám đốc	i. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 20 tỷ đồng
11	Bổ sung Điều khoản về Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này	1. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho các đối tượng sau: a. Cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân. b. Cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân. c. Người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây: - Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và các giao dịch này được Đại hội đồng cổ đông thông qua nếu giá trị giao dịch từ 35% trở lên tổng giá trị

		tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận nêu giá trị giao dịch dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất; - Trường hợp pháp luật có quy định khác. 2. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận: a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này. Trong đó đối với các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác mà Công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế thì Công ty thực hiện các giao dịch nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua trường hợp giá trị giao dịch từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc Hội đồng quản trị thông qua trường hợp giá trị giao dịch dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất; b) Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau: - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và người có liên quan của các đối tượng này; - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp; c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó. 3. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tại điểm c khoản 2 Điều này có giá trị nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất.
--	--	---

12	Khoản 1 Điều 43 về Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp phải công khai các lợi ích có liên quan và việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan của các đối tượng này được thực hiện theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.
13	Khoản 6 Điều 43 về Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây: a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan; hoặc b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.	6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây: a. Đối với giao dịch có giá trị dưới ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan; hoặc b. Đối với giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan (ngoại trừ Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản giữa các đối tượng được quy định tại Khoản 6 Điều này cũng đồng thời là cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó).
14	Bổ sung Chương XVII về Quản lý các Công ty con	Điều 55. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty đối với các Công ty con 1. Tùy thuộc vào loại hình pháp lý của Công ty con, Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách là thành viên, chủ sở hữu hoặc cổ

		đồng trong quan hệ với Công ty con theo quy định của pháp luật có liên quan và các thỏa thuận giữa Công ty và Công ty con (nếu có). 2. Hợp đồng, giao dịch và quan hệ khác giữa Công ty và Công ty con đều phải được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng theo điều kiện áp dụng đối với chủ thể pháp lý độc lập. 3. Trường hợp Công ty can thiệp ngoài thẩm quyền của chủ sở hữu, thành viên hoặc cổ đông và buộc Công ty con phải thực hiện hoạt động kinh doanh trái với thông lệ kinh doanh bình thường hoặc thực hiện hoạt động không sinh lợi mà không đền bù hợp lý trong năm tài chính có liên quan, gây thiệt hại cho Công ty con thì Công ty phải chịu trách nhiệm về thiệt hại đó. 4. Người quản lý Công ty chịu trách nhiệm về việc can thiệp buộc Công ty con thực hiện hoạt động kinh doanh theo quy định tại Khoản 3 Điều này phải liên đới cùng Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại đó. 5. Trường hợp Công ty không đền bù cho Công ty con theo quy định tại Khoản 3 Điều này thì chủ nợ hoặc thành viên, cổ đông có sở hữu ít nhất 01% vốn điều lệ của Công ty con có quyền nhân danh chính mình hoặc nhân danh Công ty con yêu cầu Công ty đền bù thiệt hại cho Công ty con. 6. Trường hợp hoạt động kinh doanh theo quy định tại Khoản 3 Điều này do Công ty con thực hiện đem lại lợi ích cho Công ty con khác thì Công ty con được hưởng lợi phải liên đới cùng Công ty hoàn trả khoản lợi được hưởng cho Công ty con bị thiệt hại. 7. Công ty có quyền yêu cầu Công ty con phối hợp cung cấp hồ sơ, báo cáo trong quá trình thực hiện các công việc kiểm toán nội bộ. Ban kiểm toán nội bộ của Công ty có thể thực hiện công tác kiểm toán nội bộ tại các Công ty con sau khi đã có thỏa thuận với các Công ty con về việc kiểm toán nội bộ này. Hội đồng quản trị ban hành các Quy chế, quy định, quy trình nội bộ về việc phối hợp kiểm toán nội bộ giữa Công ty và các Công ty con. Điều 56. Báo cáo tài chính của Công ty và Công ty con 1. Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, ngoài báo cáo và tài liệu theo quy định của pháp luật, Công ty còn phải lập các báo cáo sau đây:
--	--	---

		a) Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo quy định của pháp luật về kế toán; b) Báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hằng năm của Công ty và Công ty con; c) Báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành của Công ty và Công ty con. 2. Khi có yêu cầu của người đại diện theo pháp luật của Công ty, người đại diện theo pháp luật của Công ty con phải cung cấp báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết theo quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của Công ty và Công ty con. 3. Người chịu trách nhiệm lập báo cáo của Công ty sử dụng báo cáo quy định tại Khoản 2 Điều này để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của Công ty và Công ty con nếu không có nghi ngờ về việc báo cáo do Công ty con lập và đệ trình có thông tin sai lệch, không chính xác hoặc giả mạo. 4. Người chịu trách nhiệm lập báo cáo quy định tại Khoản 1 Điều này chưa được lập và đệ trình các báo cáo đó nếu chưa nhận được đầy đủ báo cáo tài chính của Công ty con. Trong trường hợp người quản lý Công ty đã áp dụng các biện pháp cần thiết trong phạm vi thẩm quyền mà vẫn không nhận được báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết theo quy định từ Công ty con thì người quản lý Công ty vẫn lập và trình báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của Công ty và Công ty con. Báo cáo có thể gồm hoặc không gồm thông tin từ Công ty con đó, nhưng phải có giải trình cần thiết để tránh hiểu nhầm hoặc hiểu sai lệch. 5. Báo cáo, tài liệu quyết toán tài chính hằng năm, báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của Công ty, Công ty con phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. 6. Ngoài báo cáo, tài liệu theo quy định của pháp luật, Công ty con còn phải lập báo cáo tổng hợp về mua, bán và giao dịch khác với Công ty. Điều 57. Giao dịch liên kết giữa Công ty và các Công ty con
--	--	--

	1. Hội đồng quản trị ban hành quy định về trình tự, thủ tục giao dịch giữa Công ty với các Công ty con và giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. 2. Công ty có trách nhiệm kê khai, xác định giá giao dịch liên kết theo quy định của pháp luật liên quan. Điều 58. Người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn góp và cổ phần của Công ty tại tổ chức khác 1. Người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn góp hoặc cổ phần của Công ty tại tổ chức khác (“Người đại diện theo ủy quyền”) nhân danh Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty tại Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan. Mọi hạn chế của Công ty đối với Người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Công ty tương ứng tại Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba. 2. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông; thực hiện quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Công ty. 3. Khi Hội đồng quản trị Công ty có yêu cầu, Người đại diện theo ủy quyền tại các Công ty con có trách nhiệm: a. Báo cáo tình hình quản trị, hoạt động của Công ty con; b. Báo cáo tình hình thực hiện quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo ủy quyền theo quý, bán niên hoặc năm tài chính. 4. Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này. Công ty chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.
--	--